THIẾT LẬP GIÁ TRỊ THAM KHẢO VỀ KÍCH THƯỚC DƯƠNG VẬT CỦA NAM GIỚI KHỎE MẠNH Ở VIỆT NAM

Nguyễn Hoài Bắc*, **, Phạm Minh Quân**

TÓM TẮT

Kích cỡ của dương vật là một trong các yếu tố quan trọng ảnh hưởng nhiều đến nhận thức của nam giới. Mặc dù vậy, gần như chưa có nghiên cứu nào về kích thước dương vật được thực hiện ở Việt Nam. Chính vì lý do đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu mô tả trên 2.472 nam giới khỏe mạnh đến khám kiểm tra sức khỏe sinh sản tại phòng khám Nam khoa, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội trong khoảng thời gian từ tháng 1 năm 2014 đến tháng 12 năm 2019 nhằm đưa ra giá trị tham khảo về kích thước dương vật của nam giới trưởng thành. Nghiên cứu cho thấy giá trị tham khảo về kích thước dương vật trung bình của người Việt Nam lần lượt là 8,98 ± 1,02 cm đối với chiều dài khi mềm; 14,55 ± 1,41cm với chiều dài khi kéo căng; 8,38 ± 0,97cm với chu vi thân dương vật và 2,83 ± 0,32 cm với đường kính quy đầu. Mối liên quan giữa tuổi, chiều cao, cân nặng và BMI với các kích thước của dương vật khá yếu. Tuổi là yếu tố duy nhất giải thích sự thay đổi về chiều dài dương vật khi mềm, khi kéo căng và đường kính quy đầu giữa các cá thể. Tóm lại, kết quả của nghiên cứu này cung cấp thông tin hữu ích về kích thước dương vật của nam giới trưởng thành, phục vụ cho thực hành cũng như tư vấn cho bệnh nhân trên lâm sàng.

Từ khóa: Kích thước dương vật, Chiều dài khi kéo căng, Chiều dài khi mềm, Đường kính quy đầu.

SUMMARY

ESTABLISH REFERENCE RANGES OF PENIS SIZE IN VIETNAMESE HEALTHY MEN

Penis size is one of the most important factors that affect many aspects of men's consciousness. However, little is known about these measurements in Vietnam. Thus, a cross-sectional study was conducted in 2,472 healthy men presented to Andrology Consultationof Hanoi Medical University's Hospital for regular reproductive health check-ups from January 2014 to December 2019. The aim of this study was establishment of reference ranges for penis dimensions of Vietnamese men. These measurements were 8.98 ± 1.02cm of flaccid length; 14.55 ± 1.41 cm of stretched length; 8.38 ± 0.97 cm of mid-shaft circumference and 2.83 ± 0.32 cm of glans diameter. The correlations between age, height, weight and BMI with penile dimensions were weak and inconsiderable. Besides, onle age was used to explain the variances of flaccid length, stretched length and glans diameter among individual. In conclusion, present study results provide informative materials about the penile dimensions of healthy men that can be used in clinical practiceand patient counselling.

Key words: Penis size, Flaccid length, Stretched length, Glans diameter.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kích cỡ của dương vật được xem như biểu tượng của sự nam tính, sức mạnh, khả năng sinh sản, mức độ hấp dẫn của nam giới và trở thành một trong những đề tài hấp dẫn trong văn học và nghệ thuật của nhiều nền văn hóa trên thế giới[9]. Bắt đầu được nghiên cứu từ năm 1899, cho đến nay, nghiên cứu về kích thước dương vật vẫn còn thu hút được mối quan tâm của nhiều nhà khoa học trên thế giới[9].

Trên thực tế, kích thước dương vật ở nam giới có ảnh hưởng lớn tới tâm lý, các mối quan hệ xã hội cũng như trực tiếp gây ra một số rối loạn tâm thần trong một số trường hợp nhất định [7]. Khảo sát gần đây cho thấy, mặc dù phần lớn phụ nữ hài lòng với kích thước dương vật của bạn tình, vẫn có đến 45% nam giới muốn dương vật của mình dài hơn[9]. Những lo lắng vô căn cứ về kích thước dương vật là nguyên nhân dẫn tới tình trạng gia tăng các can thiệp kéo dài dương vật không cần thiết ở nam giới. Do đó, việc thiết lập giá trị tham khảo về kích thước dương vật là vô cùng quan trọng trong việc tư vấn và điều trị cho bệnh nhân trên lâm sàng.

Trên thế giới, đã có rất nhiều nghiên cứu được thực hiện ở nhiều quốc gia khác nhau nhằm xác định kích thước dương vật bình thường ở nam giới. Tuy nhiên do khác biệt về phương pháp chọn mẫu, đối tượng nghiên cứu, cũng như cách thức đo khiến cho việc áp dụng các kết quả trên vào thực hành lâm sàng ở Việt Nam gặp nhiều khó khăn. Ở Việt Nam, gần như chưa có nghiên cứu nào tiến hành đánh giá nhằm thiết lập giá trị tham khảo về kích thước dương vật ở người trưởng thành. Chính vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm mục đích:

1.Thiết lập giá trị tham khảo về kích thước dương vật của nam giới khỏe mạnh tại Việt Nam.

2. Khảo sát mối liên quan của kích thước dương vật với một số chỉ số khác của cơ thể.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Nghiên cứu được tiến hành trên 2.472 nam giới khỏe mạnh

*Trường Đại học Y Hà Nội
**Bệnh viện Đại học Y Hà Nội
Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Hoài Bắc
Email: nguyenhoaibac@hmu.edu.vn
Ngày nhận bài: 9.01.2020
Ngày phản biện khoa học: 26.2.2020
Ngày duyệt bài: 4.3.2020

đến phòng Khám Nam học – Bệnh viện Đại học Y Hà Nội nhằm đánh giá kiểm tra sức khỏe sinh sản trong khoảng thời gian từ tháng 1 năm 2014 đến tháng 12 năm 2019. Đối tượng tham gia nghiên cứu phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

-Nam giới trên 17 tuổi đến Khám để kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân hoặc chuẩn bị sinh con, không có tiền sử mắc các bệnh lý phối hợp.

-Không có các bất thường về bộ phận sinh dục như bệnh Peyronie, cong dương vật bẩm sinh, dị tật lỗ tiểu thấp, hẹp bao quy đầu. Các trường hợp dậy thì muộn hoặc có tiền sử can thiệp, điều trị nội tiết, phẫu thuật liên quan đến vùng sinh dục tiết niệu cũng bị loại khỏi nghiên cứu.

-Chức năng tinh hoàn bình thường: ít nhất một mẫu xét nghiệm nồng độ các nội tiết tố và một mẫu tinh dịch đồ được thực hiện tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội trong giới hạn bình thường.

2.2.Phương pháp nghiên cứu:

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang

2.2.2. Quy trình nghiên cứu: Đối tượng đến Khám đánh giá kiểm tra sức khỏe sinh sản sau khi được khai thác đầy đủ thông tin về tiền sử, bệnh sử, tình trạng quan hệ tình dục hiện tại sẽ được chỉ định thực hiện một số xét nghiệm về nội tiết tố, tinh dịch đồ và siêu âm nhằm đánh giá tổng thể chức năng tinh hoàn.

Dựa trên kết quả cận lâm sàng, những bệnh nhân không có bất thường về tinh dịch đồ và testosterone ≥ 12,0nmol/l sẽ được chọn vào nghiên cứu. Các đối tượng đồng ý tham gia nghiên cứu sẽ được tiến hành thăm khám lâm sàng để loại trừ các bất thường về dương vật và đo kích thước dương vật.

Kích thước dương vật được đo một lần ở trạng thái mềm trong tư thế đứng ngay sau khi bộc lộ nhằm hạn chế ảnh hưởng của nhiệt độ lên kích thước đo. Nhiệt độ phòng đo được duy trì ổn định ở mức 25 – 27°C nhằm giảm thiểu sai số. Thước kẻ cứng bằng thép được dùng để đo các chiều dài của dương vật, trong khi đường kính của dương vật được đo bằng thước cặp. Chiều dài dương vật được coi như độ dài đường thẳng nối từ xương mu đến lỗ niệu đạo ở mặt lưng dương vật, được đo khi mềm hoàn toàn và khi kéo căng dương vật hết cỡ. Đường kính quy đầu được định nghĩa là đường nối hai điểm trên vành quy đầu đi qua tâm của vành. Chu vi thân dương vật được tính bằng công thức: Đường kính điểm giữa thân dương vật.

2.3. Xử lý số liệu: Phần mềm R phiên bản 3.6.1 cho hệ điều hành Windows được dùng để xử lý số liệu trong nghiên cứu này. Tính chuẩn của phân bố được kiểm định bằng thuật toán Kolmogorov-Smirnov. Tất cả các thông số về kích thước dương vật được trình bày dưới dạng trung bình, độ lệch chuẩn, trung vị, giá trị nhỏ nhất, giá trị lớn nhất. Hệ số liên quan giữa các biến số được trình bày dưới dạng hệ số rho của Spearman dùng cho biến phi tham số. Giá trị p < 0,05 được cho là có ý nghĩa thống kê.

2.4. Đạo đức trong nghiên cứu. Nghiên cứu được sự đồng ý của Ban giám đốc bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Các thông tin liên quan đến người tham gia nghiên cứu được đảm bảo bí mật.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Bảng 1: Đặc điểm của 2.472 nam giới khỏe mạnh tham gia nghiên cứu

	n (%)	Trung bình (SD)Trung vị [GTNN-GTLN]
Tuổi: 28,5 (6,64) 28,0 [17,0 – 81,0]		
17-29	1581(64,0%)	
30-44	832 (33,7%)	
45-59	51 (2,1%)	
≥ 60	8 (0,3%)	
Chiều cao: (cm) 168,0 (5,48) 169,0 [150,0-190,0]		
Cân nặng (kg) 62,6 (8,35); 62,0 [40,0 – 95,0]		
BMI (kg/m²) 22,0 (2,47); 21,9 [15,4 – 31,9]		
BMI < 18.5	149 (6,0%)	
18.5 ≤ BMI < 23	1486 (60,1%)	
23 ≤ BMI < 25	537 (21,7%)	
25 ≤ BMI < 27.5	247 (10,0%)	
27.5 ≤ BMI < 30	44 (1,8%)	
BMI ≥ 30	9 (0.4%)	
Hút thuốc lá[a]		
Có	434 (18,7%)	
Không	1883 (81,3%)	
Tình trạng hôn nhân[b]		
Độc thân	1289 (52,3%)	
Đã kết hôn	1164 (47,2%)	
Đã ly dị	9 (0.4%)	
Đã ly thân	1 (0.05%)	
Vợ mất	1 (0.05%)	
Nồng độ testosterone huyết thanh (nmol/l) 18,7 (5,05); 17,8 [12,0 – 52,1]		

[a] Trên 2.317 đối tượng; [b] Trên2.464đối tượng.
SD: Độ lệch chuẩn; GTNN: Giá trị nhỏ nhất; GTLN: Giá trị lớn nhất

Phần lớn đối tượng đến kiểm tra đánh giá sức khỏe sinh sản dưới 44 tuổi chiếm 97,7%. Trường hợp lớn tuổi nhất là 81 tuổi, tuy nhiên tỷ lệ nam giới trên 60 tuổi đến kiểm tra sức khỏe sinh sản chỉ chiếm 0,3%. Hơn 60% các đối tượng tham gia nghiên cứu có BMI trong giới hạn bình

thường (từ 18,5 kg/m² đến 23 kg/m²) và phần lớn không hút thuốc lá (chiếm 81,3%). Tỷ lệ nam giới kiểm tra sức khỏe sinh sản tiền hôn nhân chiếm 52,3% đối tượng nghiên cứu. Tất cả các đối tượng tham gia nghiên cứu đều có nồng độ testosterone ≥ 12 nmol/l.

3.2. Đặc điểm về kích thước dương vật của đối tượng tham gia nghiên cứu

Bảng 2: Kích thước dương vật của 2.472 nam giới khỏe mạnh

	Trung bình	SD	Trung vị	GTNN - GTLN
Chiều dài mềm (cm)	8,98	1,02	8,90	5,10 – 12,90
Chiều dài kéo căng (cm)	14,55	1,41	14,7	8.30 – 19.90
Chu vi thân (cm)	8,38	0,97	8,16	4,71 – 12,56
Đường kính quy đầu (cm)	2,83	0,32	2.80	1.80 – 4.00
SD: Đồ lệch chuẩn; GTNN: Giá trị nhỏ nhất; GTLN: Giá trị lớn nhất				

Các kích thước của dương vật không tuân theo quy luật phân bố chuẩn, kiểm định Kolmogorov-Smirnov cho kết quả p < 0,01. Chiều dài dương vật khi mềm, khi kéo căng cũng như chu vi thân dương vật và đường kính quy đầu được trình bày ở Bảng 2.

3.3. Mối liên quan giữa kích thước dương vật với các chỉ số khác của cơ thể

3.3.1. Hệ số liên quan giữa các kích thước dương vật với tuổi, chiều cao, cân nặng, BMI

Bảng 3: Hệ số liên quan rho của Spearman

	Tuổi	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)	BMI (kg/m²)
Chiều dài mềm (cm)	0,095*	0,106*	0,782*	0,037
Chiều dài kéo căng (cm)	0,049#	0,147*	0,064*	- 0,004
Chu vi thân (cm)	0,059*	0,150*	0,203*	0,156*
Đường kính quy đầu (cm)	0,154*	0,136*	0,211*	0,169*
# p < 0.05; * p < 0.01				

Không có mối liên quan giữa chỉ số BMI với chiều dài dương vật khi mềm mềm (rho = 0,037; p = 0,06) và chiều dài khi kéo căng (rho = - 0,004; p = 0,86). Các mối liên quan khác giữa tuổi, chiều cao, cân nặng, BMI với các kích thước của dương vật mặc dù đều có ý nghĩa thống kê (p < 0,05), tuy nhiên tương quan rất yếu (rho < 0,30).

3.3.2. Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến

Bảng 4: Hồi quy tuyến tính đa biến của các kích thước dương vật

	Chiều dài mềm(cm)		Chiều dài kéo căng (cm)		Chu vi thân (cm)		Đường kính quy đầu (cm)	
	β	R^2	β	R^2	β	R^2	β	R^2
Tuổi	0,018*	0,026	0,019*	0,029	0,006	0,048	0,008*	0,072
Cân nặng (kg)	0,040		0,010		0,015		0,002	
Chiều cao(cm)	- 0,004		0,036		0,016		0,008	
BMI (kg/m²)	- 0,114		- 0,055		0,013		0,011	
* p < 0,05								

Trong mô hình hồi quy tuyến tính đa biến, tuổi là yếu tố duy nhất giải thích sự thay đổi của chiều dài dương vật khi mềm, chiều dài khi kéo căng và đường kính quy đầu. Tăng lên 10 tuổi thì chiều dài khi mềm tăng 1,8 mm (giải thích 2,6% các thay đổi về chiều dài khi mềm), chiều dài kéo căng tăng 1,9 mm (giải thích 2,9% các thay đổi về chiều dài kéo căng) và đường kính quy đầu tăng 0,8 mm (giải thích 7,2% các thay đổi về đường kính quy đầu).

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu trên là một trong số rất ít nghiên cứu ở Việt Nam tập trung mô tả kích thước dương vật ở nam giới trưởng thành và các yếu tố liên quan đến sự khác biệt giữa các cá thể về chỉ số này. Trên thế giới, các nghiên cứu nhằm thiết lập giá trị tham khảo về kích thước của dương vật đã được thực hiện từ hàng trăm năm nay, tuy nhiên phần lớn là trên đối tượng người da trắng, nghiên cứu trên người da vàng chỉ chiếm một phần rất nhỏ [9]. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng, kích thước dương vật ở nam giới có sự khác biệt rõ rệt giữa các chủng tộc khác nhau[9]. Chính vì lẽ đó, việc sử dụng kết quả của các nghiên cứu trước đây trên thế giới để đưa ra giá trị tham khảo cho người Việt Nam là không hợp lý. Hơn thế nữa, các giá trị tham khảo về kích thước dương vật có vai trò vô cùng quan trọng trong thực hành lâm sàng, đặc biệt trong việc tư vấn một số trường hợp mắc các rối loạn ám ảnh về kích thước dương vật, những trường hợp cần can thiệp tạo hình, chỉnh hình dương vật.

Trong thực hành lâm sàng, việc đo kích thước dương vật ở trạng thái mềm tỏ ra khá thuận tiện

và có giá trị tương đối trong việc ước lượng chiều dài dương vật khi cương. Chiều dài dương vật khi kéo căng được xem là thước đo tuyệt vời để ước lượng chiều dài dương vật khi cương cứng [9]. Bên cạnh đó, việc đo kích thước dương vật dọc theo mặt lưng từ gốc xương mu đến lỗ niệu đạo cũng được khuyến cáo rộng rãi trong rất nhiều nghiên cứu nhằm hạn chế các sai số gây ra do lớp mỡ trước xương mu [4, 8].

Mặc dù kích thước dương vật được xem là một trong các chỉ số nhân trắc học của cơ thể, tuy nhiên không giống như các chỉ số khác, chúng thường không phân bố chuẩn [3]. Nghiên cứu của chúng tôi một lần nữa khẳng định nhận định trên. Chính vì đặc điểm đó, để có thể thiết lập giá trị tham khảo của kích thước dương vật ở người bình thường, tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng tham gia nghiên cứu có vai trò vô cùng quan trọng. Ở người, dương vật thường phát triển tối đa ở tuổi 17, sau đó gần như không có sự thay đổi [5]. Các bất thường về dương vật như cong dương vật, dị tật lỗ đái thấp, hẹp bao quy đầu đều có thể ảnh hưởng đến kích thước dương vật, chính vì thế việc loại bỏ các đối tượng có bất thường trên là cần thiết. Tình trạng suy sinh dục tiên phát, suy sinh dục thứ phát hoặc các bất thường về nội tiết cũng cần được sàng lọc kĩ càng vì những tình trạng này đều ảnh hưởng đến sự phát triển của dương vật.Trong nghiên cứu của chúng tôi, chiều dài dương vật khi mềm và khi kéo căng có giá trị trung bình lần lượt là 8,98 ±1,02cmvà 14,55 ± 1,41cm, trong khi chu vi thân là 8,38 ± 0,97 cm (Bảng 2),kết quả này có sự khác biệt so với nghiên cứu phân tích gộp trên 15,521 nam giới của Veale và cộng sự [9]. Trong khi chiều dài dương vật khi mềm và chu vi thân dương vật nhỏ hơn một cách rõ rệt so với kích thước 9,16 (1,57) cm và 9,31 (0,90) cm của Veale và cộng sự[9], chiều dài dương vật khi kéo căng của chúng tôi lại dài hơn một cách rõ rệt so với kích thước 13,24 (1,89) cm. Những khác biệt này có thể đến từ phương pháp đo vì: (1) công cụ đo dùng trong các nghiên cứu thường rất khác nhau [8] và (2) trên thực tế để đạt được chiều dài dương vật tương tự khi cương cứng cần lực kéo xấp xỉ 450 g [1], tuy nhiên thường khó đạt được do lo sợ việc đo đạc như vậy có thể gây đau cho bệnh nhân [9]. Mặc dù đóng vai trò quan trọng trong việc định hình dương vật, rất ít nghiên cứu mô tả về các kích thước của quy đầu. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy sự tương đồng về đường kính quy đầu khi so sánh với kết quả của Chen và cộng sự trên quần thể người Trung Quốc [6]. Các kết quả này vô cùng cần thiết để tư vấn bệnh nhân đặc biệt trong điều kiện các can thiệp kéo dài dương vật ngày càng được chỉ định rộng rãi.

Một số nghiên cứu trước đây chỉ ra mối liên quan giữa các kích thước dương vật với các chỉ số nhân trắc khác của cơ thể, tuy nhiên các kết quả thiếu tính thống nhất [3, 6].Kết quả phân tích gộp trên 15,521 đối tượng từ 20 nghiên cứu khác nhau cho thấy mối liên quan giữa các kích thước dương vật với tuổi, chiều cao, cân nặng, BMI thường yếu hoặc gần như không đáng kể [9]. Điều này một lần nữa được thể hiện trong nghiên cứu của chúng tôi với hệ số tương quan rho của Spearman < 0,30 ở tất cả các cặp (Bảng 3). Đặc biệt, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng không có mối liên quan giữa chiều dài dương vật khi mềm và khi kéo căng với chỉ số khối cơ thể BMI sau khi loại trừ ảnh hưởng của lớp mỡ trước xương mu. Béo phì, hay tăng lớp mỡ trước xương mu trên thực tế làm cho dương vật trông ngắn hơn tuy nhiên lại không ảnh hưởng đến chiều dài chức năng của dương vật [4].

Tuổi được xem là một yếu tố có thể ảnh hưởng đến kích thước dương vật. Nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng cứ tăng lên 10 tuổi thì chiều dài khi mềm tăng 1,8 mm, chiều dài kéo căng tăng 1,9 mm và đường kính quy đầu tăng 0,8 mm (Bảng 4). Kết quả này được lý giải chủ yếu bởi sự thay đổi cấu trúc cân trắng theo tuổi dẫn tới giảm mức độ chặt chẽ của các liên kết giữa các bó sợi colagen[2]. Tuy nhiên do các thay đổi này thường không rõ rệt và dễ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác như tăng lượng mỡ trước xương mu theo tuổi khiến cho phần lớn nam giới lớn tuổi lại thường phàn nàn về việc kích thước dương vật bị giảm so với thời thanh niên.

V. KẾT LUẬN

Giá trị tham khảo về kích thước dương vật trung bình của người Việt Nam lần lượt là 8,98 ± 1,02 cm đối với chiều dài khi mềm; 14,55 ± 1,41 cm với chiều dài khi kéo căng; 8,38 ± 0,97 cm với chu vi thân dương vật và 2,83 ± 0,32 cm với đường kính quy đầu.

Có mối liên quan giữa các kích thước của dương vật với tuổi, chiều cao, cân nặng và BMI tuy nhiên thường khá yếu hoặc gần như không đáng kể. Tuổi là yếu tố duy nhất giải thích sự thay đổi của chiều dài dương vật khi mềm, khi kéo căng và đường kính quy đầu trong mô hình hồi quy tuyến tính đa biến.

Lời cảm ơn. Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến những bệnh nhân và tập thể cán bộ nhân viên thuộc Trung tâm Y Khoa số 1 Tôn Thất Tùng cũng như Bệnh viện Đại học Y Hà Nội đã hết lòng hỗ trợ chúng tôi thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Chen, J. và các cộng sự. (2000),** "Predicting penile size during erection", International Journal of Impotence Research. 12(6), tr. 328-333.
2. **Iacono, F. và các cộng sự. (1995),** "Scanning electron microscopy of the tunica albuginea of the corpora cavernosa in normal and impotent subjects", Urological Research. 23(4), tr. 221-226.
3. **Ponchietti, Roberto và các cộng sự. (2001),** "Penile Length and Circumference: A Study on 3,300 Young Italian Males", European Urology. 39(2), tr. 183-186.
4. **Wessells, Hunter, Lue, Tom F. và McAninch, Jack W. (1996),** "Penile Length in the Flaccid and Erect States: Guidelines for Penile Augmentation", Journal of Urology. 156(3), tr. 995-997.
5. **Barnes, H. Verdain (1975),** "Physical Growth and Development During Puberty", Medical Clinics of North America. 59(6), tr. 1305-1317.
6. **Chen, X. B. và các cộng sự. (2014**), "A comprehensive, prospective study of penile dimensions in Chinese men of multiple ethnicities", Int J Impot Res. 26(5), tr. 172-6.
7. **Gaither, T. W. và các cộng sự. (2017),** "Characterization of Genital Dissatisfaction in a National Sample of U.S. Men", Arch Sex Behav. 46(7), tr. 2123-2130.
8. **Greenstein, A., Dekalo, S. và Chen, J. (2020),** "Penile size in adult men-recommendations for clinical and research measurements", Int J Impot Res. 32(2), tr. 153-158.
9. **Veale, D. và các cộng sự. (2015),** "Am I normal? A systematic review and construction of nomograms for flaccid and erect penis length and circumference in up to 15,521 men", BJU Int. 115(6), tr. 978-86.